**ĐỊA LÝ CÁC VÙNG KINH TẾ**

**\*-\*-\***

**Bài 32. VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG:**

**1. Đặc điểm:**

- Gồm 15 tỉnh. Chia 2 khu vực (Lấy sông Hồng làm ranh giới- Atlat tr 26)

+ Tây bắc: ***Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình***

+ Đông bắc: ***Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh.***

**2. Ý nghĩa của vị trí địa lí:**

- Vị trí địa lí: Giáp Trung Quốc, Lào, giáp vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và biển Đông.

=> Vị trí địa lí ***thuận lơi*** + GTVT ***đang được đầu tư*** 🡪 giao lưu với ***các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở.***

**II. CÁC THẾ MẠNH KINH TẾ:**

**1. Thế mạnh về khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện:**

**a- Thuận lợi:**

**- Giàu khoáng sản nhất nước ta (Atlat trang 8): *Quảng Ninh*** là vùng than ***lớn nhất*** và chất lượng than ***tốt nhất*** Đông Nam Á. Hiện nay, sản lượng khai thác đã vượt mức 30 triệu tấn/năm.

|  |  |
| --- | --- |
| Khoáng sản | Tỉnh và tên mỏ |
| Than đá | ***Quảng Ninh*** (Hạ Long, Cẩm Phả )Thái nguyên |
| Đồng- Niken | ***Sơn La*** |
| Đất hiếm | ***Lai Châu*** |
| Sắt | ***Thái nguyên,Yên Bái, Hà giang*** |
| Bôxít | ***Cao Bằng*** |
| Thiếc | ***Cao Bằng (Tĩnh Túc)*** |
| Kẽm-chì | ***Bắc Kạn (Chợ Đồn)*** |
| Đồng- Vàng | ***Lào Cai*** |
| Apatit | ***Lào Cai*** |
| Nước khoáng  ***{Atlat tr 25 }*** | ***Mỹ lâm, Kim Bôi, Quang Hanh*** |

- **Trữ năng thuỷ điện lớn nhất nước (Atlat trang 22):** Hệ thống ***sông Hồng*** (11 triệu kw) chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước. Riêng ***sông Đà*** chiếm gần 6 triệu kw.

- **Các nhà máy thuỷ điện đã xây dựng:**

+ Trên 1000MW: ***Hòa Bình / sông Đà*** (1.920 MW )

+ Dưới 1000MW: ***Thác Bà và Nậm mu / sông Chảy,***  ***Tuyên Quang / sông Gâm***

- **Nhà máy thuỷ điện đang xây dựng:**  
 + Trên 1000MW: ***Sơn La / sông Đà*** (2.400 MW)

+ Dưới 1000MW: nhiều nhà máy đang xây dựng trên các phụ lưu của các sông.

=> Việc phát triển thủy điện sẽ tạo ra ***động lực mới cho sự phát triển*** của vùng, nhất là việc ***khai thác và chế biến*** khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ và dồi dào. Nhưng cần chú ý đến những thay đổi của ***môi trường***.

**b- Khó khăn:**

- Khai thác khoáng sản và xây dựng các công trình thủy điện đòi hỏi phải có các ***phương tiện hiện đại , chi phí cao và lao động lành nghề***

- Một số loại khoáng sản có ***nguy cơ cạn kiệt***

***-*** Các quặng mỏ nằm sâu và xa trục giao thông

**2. Thế mạnh về cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới:**

**a. Điều kiện phát triển:**

\*Thuận lợi:

- Tự nhiên: + Đất: nhiều loại (***đất Feralit, phù sa cổ, phù sa dọc thung lũng sông***)

+ Địa hình: ***cao nên khí hậu phân hóa theo độ cao.***

+ Khí hậu: ***nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.***

Đông Bắc mùa đông lạnh nhất nước. Tây Bắc ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc nhưng do địa hình cao nên mùa đông vẫn lạnh.

- KT - XH: + ***Có truyền thống, kinh nghiệm sản xuất***

+ ***Có các cơ sở CN chế biến***

+ ***Chính sách, thị trường, vốn, kỹ thuật…thuận lợi***

**=> Có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.**

\*Khó khăn:

- Tự nhiên: + Địa hình ***hiểm trở.***

+ Thiên tai (***Rét đậm, sương muối***)

+ Thiếu nước ***về mùa đông.***

-KT – XH:

+ Cơ sở chế biến ***kỹ thuật chưa cao***.

+ GTVT ***chưa thật hoàn thiện***

**b. Tình hình phát triển và phân bố:** **(Atlat trang 18+ tr 26)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên/loại** | **Tình hình phát triển và phân bố** |
| - Chè  - **Cây thuốc quí** :Hồi, tam thất, đỗ trọng…  - **Cây ăn quả ôn đới**: Đào, lê, táo, mận…  - Rau ôn đới, hạt giống, hoa xuất khẩu | - DT lớn nhất nước, trồng nhiều ở ***Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang…***  -Trồng nhiều ở ***Hoàng Liên Sơn, Cao Bằng, Lạng Sơn***  - Trồng nhiều ở ***Cao Bằng, Lạng Sơn*** …  - Trồng nhiều ở ***SaPa…*** |

**c. Ý nghĩa: :** Đẩy mạnh sản xuất cây CN và cây đặc sản cho phép phát triển nền ***nông nghiệp hàng hóa và hạn chế nạn du canh, du cư***

**3. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc:**

**a. Điều kiện phát triển:**

\* Thuận lợi:

- Nhiều ***đồng cỏ trên các cao nguyên ở độ cao 600🡪700m,*** thuận lợi cho phát triển ***chăn nuôi trâu, bò.***

- Lương thực cho người đã được ***giải quyết tốt hơn nên hoa màu lương thục*** dành nhiều hơn cho chăn nuôi.

\*Khó khăn:

- Địa hình nhiều đồi núi nên ***vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ khó khăn***

***-*** Đồng cỏ ***nhỏ và đang xuống cấp cần được cải tạo, nâng cao nâng suất.***

**b. Tình hình phát triển và phân bố:** **(Atlat trang 18+19) hoặc tr 26**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên/loại** | **Tình hình phát triển và phân bố** |
| -Trâu  -Bò (lấy thịt và sữa)  -Gia súc nhỏ (lợn, dê..) | -Chăn thả trong rừng (nhiều nhất nước hơn 50% cả nước): ***Mộc Châu, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang...***  - 16% bò cả nước: ***Mộc Châu, Sơn La…***  - 21% lợn cả nước: ***Móng Cái (Quảng Ninh), Cao Bằng, Phú thọ, Bắc Giang....*** |

**4. Kinh tế biển:** vùng biển giàu tiềm năng, đang phát triển năng động

- ***Đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản.***

- ***Du lịch biển – đảo (Hạ Long).***

- ***GTVT biển thuận lợi, cảng Cái Lân*** (cảng nước sâu) đang được xây dựng và nâng cấp, tạo đà cho sự hình thành khu công nghiệp Cái Lân

**\*Ý nghĩa:** ***Sử dụng hợp lí tài nguyên, nâng cao đời sống, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng…***

**Câu hỏi Atlat:**

**1.Hãy xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng (ATLAT trang 26)**

***Thái nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Cẩm Phả***

**................................................**

**BÀI 33. VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**1. ĐẶC ĐIỂM KHÁI QUÁT CHUNG:**

**-** Diện tích: ***15.000 km2***(4,5% DT cả nước).

- Dân số: hơn ***18 triệu người*** ( khoảng 22% DScả nước – 2006 ).

- Gồm 10 tỉnh, thành: ***Hà Nội, TP Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình*** (Hà Tây nay đã sát nhập vào Hà Nội)- Atlat tr 15+18

**2. CÁC THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ CỦA VÙNG:**

**a. Các thế mạnh:**

* **Tự nhiên:**

\* Vị trí địa lí:

- Giáp ***Trung du - miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và vịnh Bắc Bộ.***

🡪Dễ dàng giao lưu kinh tế với ***các vùng khác và với nước ngoài.***

- Gần các vùng ***giàu tài nguyên***.

- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm

\* Tài nguyên thiên nhiên:

**- Đất:** đất nông nghiệp chiếm ***51,2%*** DT đồng bằng (trong đó 70% đất màu mỡ) 🡪 ***có giá trị lớn về sản xuất nông nghiệp.***

**- Khí hậu:** nhiệt đới ẩm gió mùa, ***có mùa đông lạnh*** 🡪 ***cơ cấu cây trồng đa dạng.***

**- Tài nguyên nước phong phú:** ***nước sông, nước ngầm, nước nóng, nước khoáng*** 🡪 giá trị lớnvề ***GTVT, du lịch, tưới tiêu...***

**- Tài nguyên biển:** phát triển ngành ***đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông, du lịch.***

**- Khoáng sản:** ***đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí đốt.***

* **Kinh tế - xã hội:**

- Dân đông ***thị trường rộng, lao động dồi dào***, có nhiều ***kinh nghiệm*** và chất lượng LĐ cao.

- Thu hút vốn đầu tư của ***Nhà nước và nước ngoài***.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng ***phát triển mạnh*** (giao thông, điện, nước, thuỷ lợi, xí

nghiệp, nhà máy…)

- Mạng lưới đô thị khá dầy đặc, với 2 trung tâm KT-XH lớn: ***Hà Nội, Hải Phòng***

- Khai thác ***lâu đời.***

***-*** Điều kiện khác thuận lợi: Chính sách ***đổi mới của Nhà Nước*** , áp dụng ***KHKT***...

**b. Hạn chế:**

\* Tự nhiên: - Thường có ***thiên tai (Bão, lụt, hạn hán...)***

- Vùng thiếu ***nguyên liệu*** cho sản xuất công nghiệp

- Một số loại ***tài nguyên bị*** suy thoái ***(đất, nước...)***

\* KT-XH:

- Dân số đông nhất, mật độ lên đến 1.225 người/km2( gấp 4,8 lần mật độ trung bình của cả nước)

- Việc làm, nhất là ở khu vực thành thị đã trở thành một vấn đề nan giải ở Đồng bằng sông Hồng trong điều kiện nền kinh tế còn chậm phát triển.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

**3. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH:**

**a. Thực trạng:**

- Giảm tỉ trọng ***khu vực I***

- Tăng tỉ trọng ***khu vực II và III.***

=> C**huyển dịch theo hướng *tích cực*** : ***theo hướng CN hóa, hiện đại hóa nhưng chuyển dịch còn chậm***

**b. Các định hướng chính trong tương lai:**

\* **Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành : *giảm*** tỉ trọng khu vực I, ***tăng nhanh*** tỉ trọng khu vực II và III.

\* **Chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế:**

**-** Trong khu vực I:

+ Giảm tỉ trọng ngành ***trồng trọt***, tăng tỉ trọng ngành ***chăn nuôi và thuỷ sản.***

+ Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng ***cây lương thực,*** tăng tỉ trọng ***cây công nghiệp, cây thực phẩm và cây ăn quả.***

**-** Trong khu vực II**:** chú trọng phát triển các ngành ***CN trọng điểm*** để sử dụng có hiệu quả thế mạnh ***về tự nhiên và lao động của vùng***. Đó là các ngành : chế biến lương thực – thực phẩm, ngành dệt may và da giày, ngành sản xuất vật liệu xây dựng, ngành cơ khí – kỹ thuật điện – điện tử.

**-** Trong khu vực III: phát triển ***du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục -*** ***đào tạo***

**CÂU HỎI NÂNG CAO**

**1.Hãy phân tích sức ép về dân số đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.**

- Dân số đông 🡪 gây sức ép nhiều mặt lên việc phát triển kt - xh

- Kết cấu dân số trẻ 🡪 khó khăn giải quyết việc làm (đặc biệt ở khu vực thành thị)

- Mật độ dân số cao 🡪 bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp. Ngoài ra còn tạo ra sức ép trong việc khai thác tài nguyên khác vốn có hạn 🡪 khó khăn về kinh tế

- Tuy sx nhiều, nhưng dân số đông 🡪 sản lượng bình quân của các sản phẩm không cao so với các vùng khác

**2.Tại sao lại phải có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH?**

- Trước hết là để khai thác thế mạnh vốn có của vùng về VTĐL, tự nhiện, KT – XH, cũng như các nguồn lực bên ngoài

- Tiếp đến, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực đã và đang là xu thế tất yếu của các nước nói chung và của các vùng nói riêng.

**3-Các hạn chế về tự nhiên đã ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển KT-XH ở ĐBSH?**

- Thiên tai( bão, lũ lụt, hạn hán,...) gây tác hại đến đời sống và SX( nhất là SX nông nghiệp )

- Một số tài nguyên( như đất, nước trên mặt..) bị xuống cấp do khai thác quá mức gây khó khăn cho việc nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi.

- Vùng thiếu nguyên liệu. Phần lớn nguyên liệu phải đưa từ vùng khác đến, nên chi phí và giá thành sản phẩm cao,...

**........................................**

**Bài 35: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KT– XH Ở BẮC TRUNG BỘ**

**1-ĐẶC ĐIỂM KHÁI QUÁT CHUNG:**

- Gồm các tỉnh: ***Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tỉnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế***

\* **Vị trí địa lí:**

- Bắc Trung Bộ là vùng lãnh thổ ***kéo dài và hẹp ngang*** nhất nước

- Tiếp giáp: ***ĐBSH, trung du và miền núi Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Lào và Biển Đông***

=> thuận lợi giao lưu văn hóa – kinh tế – xã hội với các vùng (nhất là vùng ĐBSH) và nước khác cả bằng ***đường bộ và đường biển***

***2*. Hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Lâm nghiệp** | **Nông nghiệp** | **Ngư nghiệp** |
| **Thế mạnh** | - DT rừng ***2,46 triệu ha*** khoảng chiếm ***20%*** diện tích rừng cả nước.  - Rừng che phủ ***47,8%*** DT của vùng (2006), chỉ đứng sau ***Tây Nguyên.***  - Có nhiều loại ***gỗ quí*** (lim, táu, sến, trầm hương) và nhiều ***lâm sản, chim, thú*** có giá trị  - Rừng giàu chỉ tấp trung ở ***vùng sâu, sát biên giới Việt – Lào***  (*rừng sản xuất 34%, rừng phòng hộ 50%, rừng đặc dụng 16%).*  => phát triển công nghiệp ***khai thác gỗ, chế biến lâm sản*** | - **Vùng gò đồi:** chăn nuôi ***gia súc lớn***.  Trồng ***rừng, cây CN lâu năm*** (Vùng đất badan: chè ở Tây Nghệ An, cà phê ở Tây Nghệ An,Quảng Trị, cao su, hồ tiêu ở Quảng Bình, Q.Trị)  **- Đồng bằng:** chủ yếu đất cát pha, thuận lợi trồng cây ***CN hàng năm***, không thuận cho trồng ***lúa*** (trừ ĐBằng Thanh – Nghệ - Tỉnh) | - Bờ biển dài, nhiều loại ***hải sản quí***  - Nhiều sông ***lớn***  => phát triển ***đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản*** trên cả 3 môi trường nước ***ngọt, lợ và mặn.*** |
| **Khó khăn** | - Thiếu ***cơ sở vật chất, máy móc***  - Cháy rừng  - Thiếu ***vốn và lực lượng quản lí*** | Đất đai ***độ phì kém***, chịu nhiều ***thiên tai*** | - Tàu thuyền ***công suất nhỏ***, đánh bắt ven bờ là chính.  - Nhiều nơi nguồn thủy sản có nguy cơ suy giảm  -Thường bị ***thiên tai*** |
| **Hướng giải quyết** | - Khai thác đi đôi với ***tu bổ, bảo vệ và trồng rừng***  - Bảo vệ ***môi trường sống,*** giữ gìn nguồn gen ***động thực vật quý hiếm***, điều hoà ***nguồn nước***, ***hạn chế lũ***  - Trồng rừng ven biển chắn ***gió bão,*** ngăn nạn ***cát bay – cát chảy*** | - Giải quyết các vấn đề ***lương thực***  - Mở rộng ***thị trường*** và công nghiệp ***chế biến*** | -Đầu tư ***trang thiết bị, tàu thuyền***  -Đẩy mạnh đánh bắt ***xa bờ*** |

**3. Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng GTVT:**

**a. Phát triển các ngành CN trọng điểm và các trung tâm công nghiệp chuyên môn hóa:**

\* Điều kiện:

- Nhiều ***nguyên liệu*** để phát triển CN : ***khoáng sản, nguyên liệu nông – lâm – thuỷ sản***

- Nguồn lao động ***dồi dào, giá rẻ***

\* Tình hình PT và phân bố:

- Hình thành các trung tâm CN, phân bố chủ yếu ở ven biển***: Bỉm Sơn,Thanh Hóa, Tĩnh Gia, Vinh, Huế*** (Atlat tr 27)

-Ở các trung tâm CN với các ngành CN trọng điểm: ***vật liệu xây dựng, cơ khí, luyện kim, hoá lọc dầu và chế biến nông – lâm – thủy sản***

- Vấn đề phát triển cơ sở năng lượng: ***ưu tiên hàng đầu*** trong phát triển CN

+ Chủ yếu dựa vào ***lưới điện quốc gia***

+ Một số nhà máy thuỷ điện đang được xây dựng: Bản Vẽ / sông Cả, ***Cửa Đạt / sông Chu, Rào Quán /Sông Rào Quán (*** Atlat tr22)

**b. Xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là GTVT: *(*** Atlat tr23)

- Mạng lưới GTVT chủ yếu: ***Quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất, đường Hồ Chí Minh***- (hoàn thành sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các huyện phía Tây, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới)***, các tuyến đường đông – tây (số 7,8, 9)***

- Hàng loạt ***cửa khẩu được mở*** để giao lưu buôn bán với Lào (***Lao Bảo, Cầu Treo, Nậm Cắn...)***

- Các cảng ***nước sâu*** đang được đầu tư xây dựng: ***Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây***

- Các sân bay đang được nâng cấp: ***Phú Bài (Huế), Vinh (Nghệ An)***

⇨ Xây dựng cơ sở hạ tầng có ý nghĩa quan trọng trong việc ***phát triển KT-XH của vùng***

**CÂU HỎI NÂNG CAO**

**1.Tại sao có thể nói sự hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp của vùng góp phần tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế trong không gian?**

- Đây là lãnh thổ dài và hẹp ngang. Từ Đ🡪 Tây 1 số nơi bề ngang chỉ vài chục km:

+ Địa hình: đi từ vùng bờ biển qua vùng đồng bằng hẹp duyên hải, vượt qua vùng đồi chuyển tiếp nhỏ hẹp và tới vùng núi thực sự ở phía tây.

+ Cơ cấu kinh tế: dọc theo lát cắt ngang của lãnh thổ có thể chứng kiến những thay đổi của mô hình kết hợp nông – ngư nghiệp ở ven biển; Mô hình kết hợp nông – lâm – ngư nghiệp từ vùng ven biển, đồng bằng tới miền núi; Mô hình kết hợp nông – lâm nghiệp ở vùng trung du, miền núi.

**2.Tại sao nói việc phát triển cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp góp phần phát triển bền vững ở Bắc Trung Bộ?**

- Việc phát triển lâm nghiệp vừa cho phép khai thác thế mạnh về rừng vừa bảo vệ tài nguyên đất, điều hóa chế độ nước của các sông.

- Việc phát triển nông – lâm kết hợp ở vùng trung du giúp sử dụng hợp lý tài nguyên, tăng thu nhập cho nhân dân, phát triển kinh tế ở vùng trung du.

- Việc phát triển rừng ngập mặn, rừng chắn gió, chắn cát vừa tạo điều kiện bảo vệ bờ biển, ngăn chặn nạn cát bay, cát chảy, vừa tạo môi trường cho các loài thủy sinh và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

**3.Hãy xác định các ngành công nghiệp chủ yếu của các trung tâm công nghiệp Thanh Hóa, Vinh và Huế. (ATLAT trang 27)**

- Thanh Hóa: Cơ khí, sản xuất giấy, xenlulô và chế biến nông sản.

- Vinh: ***Cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông sản.***

- Huế: ***Cơ khí, dệt, may và chế biến nông sản***.

**4.Tại sao việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải sẽ tạo bước ngoặc quan trọng trong hình thành cơ cấu kinh tế của vùng?**

**\* Ý nghĩa**: Việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đang tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển kt-xh của vùng, tạo thế mở cửa nền kinh tế và làm thay đổi quan trọng sự phân công lao động theo lãnh thổ, từ đó tạo bước ngoặc quan trọng trong hình thành cơ cấu kinh tế của vùng

**\* Thế mạnh: (**giống phần 4b trong bài học**)**

**.......................................................**

**BÀI 36: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**1. Đặc điểm khái quát chung:**

- Gồm: thành phố ***Đà Nẵng*** và các tỉnh ***Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận*** (Atlat tr 28)

**\* Vị trí địa lí:** Giáp ***Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và biển Đông***

Có 2 quần đảo xa bờ: ***Hoàng Sa*** (Tp. Đà Nẵng), ***Trường Sa*** (tỉnh Khánh Hoà)

=> Thuận lợi: Giao lưu ***kinh tế trong và ngoài nước***, phát triển cơ cấu ***kinh tế đa dạng***

**2. Phát triển tổng hợp kinh tế biển:**

**a. Đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản**: Nhiều tiềm năng phát triển:

- Bờ biển dài nhiều ***vũng, vịnh, đầm, phá... để nuôi trồng thủy sản*** ( Nuôi tôm hùm, tôm sú...)

***-*** Nhiều ***bãi tôm, bãi cá,*** ***để đánh bắt*** nhất là các tỉnh cực Nam Trung bộ và ngư trường Hoàng Sa, Trường Sa

- Sản lượng: trên ***620 nghìn tấn*** (2006), riêng cá biển là ***420 nghìn tấn*** vớinhiều loại cá quý: thu, nục, ngừ, hồng, tôm mực.

- Hoạt động chế biến: phát triển ***đa dạng, phong phú* (** nước mắm Phan Thiết....)

-Trong tương lai, ngành này có vai trò to lớn trong việc giải quyết thực phẩm cho vùng và xuất khầu. Tuy nhiên, vấn đề khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn thuỷ sản có ý nghĩa cấp bách

**b. Du lịch biển:** (Atlat tr 25)

- Tiềm năng phát triển: nhiều bãi biển đẹp ***Mỹ Khê*** (Đà Nẵng), ***Sa Huỳnh*** (Quảng Ngãi), ***Quy Nhơn*** (Bình Định), ***Nha Trang*** (Khánh Hoà), ***Cà Ná*** ( Ninh Thuận), ***Mũi Né*** (Phan Thiết)...

- Các trung tâm du lịch quan trọng: ***Đà Nẵng, Nha Trang .......***

- Phát triển du lịch biển gắn liền du lịch : du lịch  ***đảo,*** ***nghĩ dưỡng, thể thao***

**c. Giao thông vận tải biển:**

**-** Tiềm năng phát triển: nhiều địa điểm XD ***cảng nước sâu,*** đang xd cảng nước sâu ***Dung Quất***

- Có các cảng ***tổng hợp*** lớn: ***Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang,***

**d. Khai thác khoáng sản và sản xuất muối:**

- Khai thác ***dầu khí*** phía đông đảo Phú Quý (Bình Thuận)

- Sản xuất ***muối***: Cà Ná, Sa Huỳnh…

**4. Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng:**

**a. Phát triển công nghiệp:** (Atlat tr 28)

- Các trung tâm CN trong vùng: ***Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết***

- Các ngành CN trọng điểm: ***Cơ khí, chế biến nông-lâm-thuỷ sản, sx hàng tiêu dùng…***

- Hình thành một số khu CN ***tập trung và khu chế xuất.*** đặc biệt XD khu kinh tế mở ***Chu Lai***, ***Dung Quất, Nhơn Hội***

- Hình thành vùng kinh tế trọng điểm miền Trung,

⇨ CN của vùng sẽ có bước ***phát triển mạnh*** trong những thập niên tới

**b. Phát triển cơ sở năng lượng:** (Atlat tr 28)

- Sử dụng ***lưới điện quốc gia***: Đường dây 500 KV

- Xây dựng các nhà máy thủy điện trung bình và tương đối lớn: ***Avương*** (Quảng Nam), ***Vĩnh Sơn*** (Bình Định), ***Sông Hinh*** (Phú Yên), ***Hàm Thuận – Đa Mi*** (Bình Thuận),

**c. Phát triển giao thông vận tải:** (Nêu dẫn chứng Atlat tr 23)

- Các tuyến theo hướng B-N:Nâng cấp ***Quốc lộ 1, Đường sắt Bắc – Nam 🡪*** Tăng vận chuyển trong vùng, giao lưu với ***các vùng và các TP khác như***  ***TP HCM***

***-***Phát triển các tuyến đường Đông- Tây và xây dựng cảng ***nước sâu***

***🡪*** Nối Tây Nguyên với ***các cảng nước sâu*** giúp vùng mở rộng giao lưu với ***Tây Nguyên, Nam Lào, và Đông Bắc Thái Lan,***

- Hiện đại hoá hệ thống ***sân bay quốc tế trong nước***

=> Việc PT cơ sở hạ tầng GTVT tạo thế ***mở cửa*** cho vùng và sự phân công ***lao động mới***

**CÂU HỎI**

**1.Hãy xác định các tuyến đường bộ, đường sắt chủ yếu, các cảng và sân bay ở Duyên hải Nam Trung Bộ. (ATLAT trang 23)**

-Đường bộ: ***quốc lộ 1, 24 , 19 , 25 , 26 , 27 , 28***

-Đường sắt: ***Thống nhất***

-Sân bay: ***sân bay quốc tế (Đà Nẵng), sân bay nội địa (Chu Lai, Quy Nhơn, Nha Trang, Ba Ngòi, Tuy Hòa, Cam Ranh).***

-Cảng: ***Đà Nẵng, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn, Vũng Rô, Cam Ranh, Phan Thiết***.